

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MỎ MẢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Đơn vị: Đồng

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Số lượng phần mộ		Di dời đến		Phương án chia ra		Tổng giá trị PA BTHT (đồng)	Ghi chú
				Hung táng	Cát táng	NTND đào Cát Hải	Nơi khác	Hỗ trợ di chuyển mỏ mả	Vật kiến trúc		
1	Phạm Khắc Chính (CCCD: 031067003110)	Thôn Ninh Tiếp	M26		9		9	121.500.000	120.469.000	241.969.000	
2	Phạm Xuân Bạch (CCCD: 031037000696)	Thôn Ninh Tiếp	M27		3		3	40.500.000	68.144.000	108.644.000	
3	Phạm Văn Vinh (CCCD: 031064016649)	Thôn Ninh Tiếp	M34		5		5	67.500.000	34.581.000	102.081.000	
4	Nguyễn Thị Chung (CCCD: 031171002423) - Nguyễn Văn Hiếu (con trai) (CCCD: 031204013603)	Thôn Ninh Tiếp	M30		6		6	81.000.000	86.300.000	167.300.000	
5	Nguyễn Thanh Tùng vợ là Phạm Thị Dương (CCCD:031176011672)	Thôn Ninh Tiếp	M43		12		12	162.000.000	114.967.000	276.967.000	
Tổng				0	35	0	35	472.500.000	424.461.000	896.961.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MỒ MẢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Phạm Khắc Chính (CCCD: 031067003110)**

Địa chỉ: **Thôn Ninh Tiếp**

Số BB: **M26**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ di chuyển mồ mả			Ngôi	9				121.500.000	
		Mộ Hung táng		Ngôi	0					
		Mộ Cát táng		Ngôi	9					
1	Phần mộ	Cụ Nguyễn Thị Nhật Cụ Phạm Quang Thiệu Cụ Phạm Thị Toàn Cụ Phạm Minh Chiến								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=0,7*1,1*0,8		m3	0,62					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	4	7.000.000			28.000.000	
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	4	1.500.000			6.000.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	4	3.000.000			12.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	4	2.000.000			8.000.000	
2	Phần mộ	Cụ Phạm Hồng Việt Cụ Nguyễn Thị Hy Cụ Phạm Văn Thành								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=0,7*1,1*0,8		m3	0,62					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	3	7.000.000			21.000.000	
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	3	1.500.000			4.500.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		- Thay tiểu mới		Ngôi	3	3.000.000			9.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	3	2.000.000			6.000.000	
3	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Gắt Cụ Phạm Văn Liên								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=0,7*1,1*0,8		m3	0,62					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	2	7.000.000			14.000.000	
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	2	1.500.000			3.000.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	2	3.000.000			6.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	2	2.000.000			4.000.000	
II	Vật kiến trúc								120.469.000	
1	Phần mộ	Cụ Nguyễn Thị Nhật Phạm Quang Thiệu Phạm Thị Toàn Phạm Minh Chiến								
		Đế mộ xây gạch chỉ V=(1,4+1,7)*2*0,33*0,4*4	VKT.20009	m3	3,27	1.807.394	1,00	100%	5.916.685	
		Mặt mộ BTCT tấm đan V=0,7*1,7*0,1*4	VKT.20023	m3	0,48	5.710.896	1,00	100%	2.718.386	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT=0,8*1,2*1,6*4 ngôi (3 cấp)	GTT	Cái	4,00	4.850.000	1,00	100%	19.400.000	
		04 bia khắc đá không ảnh 30*40	GTT	Cái	4,00	500.000	1,00	100%	2.000.000	
		04 lọ hoa nhỏ	GTT	Cái	4,00	20.000	1,00	100%	80.000	
		04 đĩa sứ cỡ trung	GTT	Cái	4,00	20.000	1,00	100%	80.000	
		04 bát hương cỡ trung	GTT	Cái	4,00	90.000	1,00	100%	360.000	
		04 bộ ấm chén	GTT	Cái	4,00	50.000	1,00	100%	200.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Sân S=8,5*8,3		m2	70,55					
		Bê tông gạch vỡ dày 0,2	VKT.20014	m3	14,11	1.027.902	1,00	100%	14.503.697	
		Bê tông đá 1*2 dày 0,15	VKT.20015	m3	10,58	1.629.758	1,00	100%	17.246.914	
		Mặt láng XMC đánh màu dày 3cm	VKT.20042	m2	70,55	87.734	1,00	100%	6.189.634	
2	Phần mộ	Cụ Phạm Hồng Việt Nguyễn Thị Hy Phạm Văn Thành								
		Mặt mộ BTCTTĐ V=1,6*3,6*0,1	VKT.20023	m3	0,58	5.710.896	1,00	100%	3.289.476	
		Đề mộ xây gạch chỉ V=(1,6+3,6)*2*0,22*0,3	VKT.20009	m3	0,69	1.807.394	1,00	100%	1.240.595	
		Lát gạch LD 30x20 S=1*3,6	VKT.20027	m2	3,60	223.875	1,00	100%	805.950	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT=0,8*1,2*1,6*3 ngôi (3 cấp)	GTT	Cái	3,00	4.850.000	1,00	100%	14.550.000	
		03 bát hương cỡ trung	GTT	Cái	3,00	90.000	1,00	100%	270.000	
		03 bia đá khắc chữ có ảnh 30x40	GTT	Cái	3,00	1.200.000	1,00	100%	3.600.000	
		06 lọ hoa sứ cỡ nhỏ	GTT	Cái	6,00	20.000	1,00	100%	120.000	
		06 đĩa sứ cỡ trung	GTT	Cái	6,00	20.000	1,00	100%	120.000	
		03 bộ ấm chén	GTT	Cái	3,00	50.000	1,00	100%	150.000	
		Sân S=1,5*5,6*3*2		m2	14,40					
		Bt gạch vỡ dày 0,15	VKT.20014	m3	2,16	1.027.902	1,00	100%	2.220.268	
		Bt đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	1,44	1.629.758	1,00	100%	2.346.852	
		Mặt lát gạch HL 40x40	VKT.20056	m2	14,40	241.350	1,00	100%	3.475.440	
		Tường bao xây gạch chỉ 110 có bở trụ có trát S=7,1*1,7	VKT.20127	m2	12,07	417.117	1,00	100%	5.034.602	
3	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Gắt Cụ Phạm Văn Liên								

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Mặt mộ BTCTTĐ V=1,6*2,2*0,1	VKT.20023	m3	0,35	5.710.896	1,00	100%	2.010.235	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT=0,8*1,2*1,6*2 ngôi (3 cấp)	GTT	Cái	2,00	4.850.000	1,00	100%	9.700.000	
		02 bát hương sứ cỡ trung	GTT	Cái	2,00	90.000	1,00	100%	180.000	
		02 bia đá khắc chữ có ảnh	GTT	Cái	2,00	1.200.000	1,00	100%	2.400.000	
		04 lọ hoa nhỏ	GTT	Cái	4,00	20.000	1,00	100%	80.000	
		04 đĩa sứ cỡ trung	GTT	Cái	4,00	20.000	1,00	100%	80.000	
		02 bộ ấm chén	GTT	Cái	2,00	50.000	1,00	100%	100.000	
		Tổng cộng							241.969.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MÔ MÃ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Phạm Xuân Bạch (CCCD: 031037000696)**

Địa chỉ: **Thôn Ninh Tiếp**

Số BB: **M27**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ di chuyển mô mã			Ngôi	3				40.500.000	
		Mộ Hung táng		Ngôi	0					
		Mộ Cát táng		Ngôi	3					
A	Phần mộ	Cụ Phạm Đình Nghê								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=2,1*1,9*0,5		m3	2,00					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
B	Phần mộ	Cụ Trần Thị Dựng								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=2,0*1,3*0,5		m3	1,30					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
C	Phần mộ	Cụ Vũ Thị Thóc								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=1,4*1,1*0,6		m3	0,92					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		- Di dời dưới 05km (Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
II	Vật kiến trúc								68.144.000	
A	Phần mộ	Cụ Phạm Đình Nghè								
		Đế mộ xây gạch chỉ $V=(2,1+1,9)*2*0,22*0,2$	VKT.20009	m3	0,35	1.807.394	1,00	100%	636.203	
		Thành mộ xây gạch chỉ $V=(1,8+2)*2*1,7*0,11$	VKT.20008	m3	1,42	1.987.514	1,00	100%	2.824.655	
		Ốp gạch LD $20*25$ $S=(2,1+1,9)*2*0,2+(1,8+2)*2*1,7$	VKT.20065	m2	14,52	315.082	1,00	100%	4.574.991	
		$S2=(2+0,9)*2*1,1$	VKT.20065	m2	6,38	315.082	1,00	100%	2.010.223	
		BTCT tấm đan mặt mộ $V=2,1*1,8*0,1$	VKT.20023	m3	0,38	5.710.896	1,00	100%	2.158.719	
		Lát gạch LD $40x30$ $S=2,1*1,8$	VKT.20030	m2	3,78	212.011	1,00	100%	801.402	
		Bia đá Granit $S=30*40$ không ảnh	GTT	cái	1,00	500.000	1,00	100%	500.000	
		Ốp đá granit tự nhiên vào thành mộ $S=0,2*0,8*3$	VKT.20071	m2	0,48	1.500.742	1,00	100%	720.356	
		Mái mộ BTCT $V1=2,4*2,6*0,1$	VKT.20019	m3	0,62	5.163.666	1,00	100%	3.222.128	
		$V2=1,6*1,8*0,1$	VKT.20019	m3	0,29	5.163.666	1,00	100%	1.487.136	
		Dán ngói vẩy sứ $S1=1,6*1,8$	VKT.20058	m2	2,88	610.463	1,00	100%	1.758.133	
		$S2=2,4*2,6-1*1$	VKT.20058	m2	5,24	610.463	1,00	100%	3.198.826	
		Chóp mộ xây gạch chỉ $V=(1+1,2)*2*0,5*0,11$	VKT.20008	m3	0,24	1.987.514	1,00	100%	480.978	
		Ốp gạch LD $25x20$ $S=(1+1,2)*2*0,5$	VKT.20065	m2	2,20	315.082	1,00	100%	693.180	
		Đuôi rồng sứ $15x30$ số lượng 08 con	GTT	cái	8,00	50.000	1,00	100%	400.000	
		Phào đơn trang trí $L=(2,4+2,6)*2*2$ đường	VKT.20088	md	20,00	89.925	1,00	100%	1.798.500	
		$L2=(1,6+1,8)*2*2$ đường	VKT.20088	md	13,60	89.925	1,00	100%	1.222.980	
		Cột BTCT $V=1,2*0,2*0,2*2$	VKT.20021	m3	0,10	7.883.109	1,00	100%	756.778	
		Phào kép trang trí $L=0,8*4*2$	VKT.20089	md	6,40	112.714	1,00	100%	721.370	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		01 bát hương cỡ đại	GTT	cái	1,00	200.000	1,00	100%	200.000	
		01 lọ hoa nhỏ	GTT	cái	1,00	20.000	1,00	100%	20.000	
		01 bộ ấm chén	GTT	cái	1,00	50.000	1,00	100%	50.000	
B	Phần mộ	Cụ Trần Thị Dựng								
		Thành mộ xây gạch chi $V1=(2+1,3)*2*0,4*0,22$	VKT.20009	m3	0,58	1.807.394	1,00	100%	1.049.734	
		$V2=(1+1,2)*1,3*0,11$	VKT.20008	m3	0,31	1.987.514	1,00	100%	625.272	
		Ốp gạch LD 20x30 $S=(2+1,3)*2*0,4$	VKT.20065	m2	2,64	315.082	1,00	100%	831.816	
		$S2=(1+1,2)*2*1,3*2$ mặt	VKT.20065	m2	11,44	315.082	1,00	100%	3.604.538	
		Lát mặt mộ gạch LD 20x20 $S=2*1,3$	VKT.20027	m2	2,60	223.875	1,00	100%	582.075	
		Mái mộ BTCT $V=1,6*1,8*0,1$	VKT.20019	m3	0,29	5.163.666	1,00	100%	1.487.136	
		Mặt mộ BTCT $V=2*1,3*0,1$	VKT.20023	m3	0,26	5.710.896	1,00	100%	1.484.833	
		Dán ngói sứ vẩy cá $S=1,8*1,6$	VKT.20058	m2	2,88	610.463	1,00	100%	1.758.133	
		Đuôi rồng sứ 15x20 số lượng 04 con	GTT	con	4,00	50.000	1,00	100%	200.000	
		01 búp sen sứ D20	GTT	cái	1,00	300.000	1,00	100%	300.000	
		01 bát hương cỡ đại	GTT	cái	1,00	200.000	1,00	100%	200.000	
		02 lọ hoa cỡ nhỏ	GTT	cái	2,00	20.000	1,00	100%	40.000	
		01 bộ ấm chén	GTT	cái	1,00	50.000	1,00	100%	50.000	
		01 bia đá granit 20x40 không ảnh	GTT	cái	1,00	350.000	1,00	100%	350.000	
		Ốp đá granit tự nhiên thành mộ $V=0,2*0,6*3$ cái	VKT.20071	m2	0,36	1.500.742	1,00	100%	540.267	
		Sân mộ $S=6*6,3$		m2	37,80					
		Bê tông đá 1x2 dày 0,1	VKT.20014	m3	3,78	1.027.902	1,00	100%	3.885.470	
		Bê tông gạch vỡ dày 0,1	VKT.20015	m3	3,78	1.629.758	1,00	100%	6.160.485	
		Lát gạch Hạ Long 30x30	VKT.20055	m2	37,80	244.637	1,00	100%	9.247.279	
C	Phần mộ	Cụ Vũ Thị Thóc								

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT: 1,2*0,8*1,6	GTT	cái	1,00	4.850.000	1,00	100%	4.850.000	
		01 bia đá 30x40 không ảnh	GTT	cái	1,00	500.000	1,00	100%	500.000	
		01 bát hương cỡ trung	GTT	cái	1,00	90.000	1,00	100%	90.000	
		01 lọ hoa nhỏ	GTT	cái	1,00	20.000	1,00	100%	20.000	
		01 bộ ấm chén	GTT	cái	1,00	50.000	1,00	100%	50.000	
		Tổng cộng							108.644.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MÔ MẢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Phạm Văn Vinh (CCCD: 031064016649)**

Địa chỉ: **Thôn Ninh Tiếp**

Số BB: **M34**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ di chuyển mô mả			Ngôi	5				67.500.000	
		Mộ Hung táng		Ngôi	0					
		Mộ Cát táng		Ngôi	5					
1	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Cấp Cụ Nguyễn Thị Vượng								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=1,5*1,3*0,9		m3	1,76					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	2	7.000.000			14.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	2	1.500.000			3.000.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	2	3.000.000			6.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	2	2.000.000			4.000.000	
2	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Ngân Cụ Nguyễn Thị Vệt Nguyễn Khuông Duy								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=1,2*0,8*0,8		m3	0,77					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	3	7.000.000			21.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	3	1.500.000			4.500.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	3	3.000.000			9.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	3	2.000.000			6.000.000	
II	Vật kiến trúc								34.581.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Cấp Cụ Nguyễn Thị Vượng								
		Thành mộ xây gạch chi 220 V=(1,5+1,3)*2*0,4*0,22	VKT.20009	m3	0,49	1.807.394	1,00	100%	890.684	
		Lát gạch LD 30x20 S=1,5*0,6	VKT.20029	m2	0,90	219.744	1,00	100%	197.770	
		Ốp gạch LD 30x20 S=(1,5+1,3)*2*0,4	VKT.20065	m2	2,24	315.082	1,00	100%	705.784	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT=0,8*1,2*1,6 (giật 3 cấp)	GTT	cái	1,00	4.850.000	1,00	100%	4.850.000	
		01 bia đá 20x30	GTT	cái	1,00	350.000	1,00	100%	350.000	
		01 bát hương cỡ trung	GTT	cái	1,00	90.000	1,00	100%	90.000	
		01 lọ hoa nhỏ	GTT	cái	1,00	20.000	1,00	100%	20.000	
		01 đĩa hoa quả	GTT	cái	1,00	20.000	1,00	100%	20.000	
2	Phần mộ	Cụ Phạm Văn Ngân Cụ Nguyễn Thị Vệt Nguyễn Khuông Duy								
		Thành mộ xây gạch chi V=(1,2+0,8)*2*0,22*0,4*3	VKT.20009	m3	1,06	1.807.394	1,00	100%	1.908.608	
		Ốp gạch LD 20x30 S=(1,2+0,8)*2*0,4*3	VKT.20078	m2	4,80	315.082	1,00	100%	1.512.394	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn giật 3 cấp mặt đánh gradito KT=0,8*1,2*1,6* 3 cái	GTT	cái	3,00	4.850.000	1,00	100%	14.550.000	
		03 bia đá 20x30	GTT	cái	3,00	350.000	1,00	100%	1.050.000	
		03 bát hương cỡ trung	GTT	cái	3,00	90.000	1,00	100%	270.000	
		03 lọ hoa nhỏ	GTT	cái	3,00	30.000	1,00	100%	90.000	
		03 đĩa hoa quả	GTT	cái	3,00	20.000	1,00	100%	60.000	
		Sân mộ S=3,6*5,8		m2	20,88					
		BT gạch vỡ dày 0,1	VKT.20014	m3	2,09	1.027.902	1,00	100%	2.146.259	
		BT đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	2,09	1.629.758	1,00	100%	3.402.935	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Tường bao xây gạch chỉ 110 không trát $V=(3,6+5,8)*2*0,6*0,11$	VKT.20008	m3	1,24	1.987.514	1,00	100%	2.466.107	
		Tổng cộng							102.081.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MỎ MẢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Tùng vợ là Phạm Thị Dương (CCCD:031176011672)**
Địa chỉ: **Thôn Ninh Tiếp**

Số BB:

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ di chuyển mỏ mả			Ngôi	12				162.000.000	
		Mộ Hung táng		Ngôi	0					
		Mộ Cát táng		Ngôi	12					
A	Phần mộ cụ	Phạm Thị Ước Nguyễn Văn Kịch Phạm Thị Nghiên Nguyễn Hồng Kinh Nguyễn Văn Nha Nguyễn Văn Lại Nguyễn Văn Bảy Nguyễn Văn Kiên Phạm Thị Nhu Nguyễn Văn Tiếp Cô Bé Đỏ Cậu Bé Đỏ								
	Mộ cát táng	Mộ xây đơn giản: V=1,5*1,2*0,8		m3	1,44					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	12	7.000.000			84.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	12	1.500.000			18.000.000	
		- Thay tiểu mới		Ngôi	12	3.000.000			36.000.000	
		- Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	12	2.000.000			24.000.000	
II	Vật kiến trúc								114.967.000	
		Đế mộ xây gạch chi V=(1,5+1,2)*2*0,3*0,22*12	VKT.20009	m3	4,28	1.807.394	1,00	100%	7.729.863	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Ốp gạch LD 25x40 S=(1,2+1,5)*2*0,3*12	VKT.20068	m2	19,44	298.675	1,00	100%	5.806.242	
		Lăng mộ bê tông đúc sẵn ốp lát hoàn chỉnh KT 1,2*0,8*1,6*10 ngôi	GTT	Cái	10	4.850.000	1,00	100%	48.500.000	
		12 bia đá không ảnh 30x40	GTT	Cái	12	500.000	1,00	100%	6.000.000	
		12 bát hương sứ trung	GTT	Cái	12	90.000	1,00	100%	1.080.000	
		12 lọ hoa sứ cỡ trung	GTT	Cái	12	30.000	1,00	100%	360.000	
		12 đĩa đựng hoa quả sứ	GTT	Cái	12	20.000	1,00	100%	240.000	
		Sân S=8,2*7,8+2,5*2,7		m2	70,71					
		BT gạch vỡ dày 0,1	VKT.20014	m3	7,07	1.027.902	1,00	100%	7.268.295	
		BT đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	7,07	1.629.758	1,00	100%	11.524.019	
		Nền lát gạch đỏ Hạ Long 40x40	VKT.20056	m2	70,71	241.350	1,00	100%	17.065.859	
		Tường bao xây gạch chỉ 110 có bổ trụ không trát $V=(8,2+9,8)*2*1,1*0,11$	VKT.20008	m3	4,36	1.987.514	1,00	100%	8.657.611	
		Cổng sắt hộp 2x2 dày 1,4 ly W=(1,3*11+1*6)*4,83/6	VKT.20215	kg	16,34	45.000	1,00	100%	735.368	
		Tổng cộng							276.967.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ HẠNG MỤC DI CHUYỂN MỒ MẢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN ĐỊA BÀN ĐẶC KHU CÁT HẢI THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Chung (CCCD: 031171002423) - Nguyễn Văn Hiếu (con trai) (CCCD: 031204013603)**

Địa chỉ: **Thôn Ninh Tiếp**

Số BB: **M30**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ di chuyển mồ mả			Ngôi	6				81.000.000	
		Mộ Hung táng		Ngôi	0					
		Mộ Cát táng		Ngôi	6					
A	Phần mộ	Cụ Nguyễn Thị Thùy								
	Mộ cát táng	Xây đơn giản: V=0,8*1,0*1,0		m3	0,80					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	
		Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
B	Phần mộ	Cụ Nguyễn Văn Công Cụ Đình Thị Xuôi Cụ Nguyễn Văn Nhân								
	Mộ cát táng	Xây đơn giản: V=0,8*1,2*0,8		m3	0,77					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	3	7.000.000			21.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	3	1.500.000			4.500.000	
		Thay tiểu mới		Ngôi	3	3.000.000			9.000.000	
		Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	3	2.000.000			6.000.000	
C	Phần mộ	Cụ Nguyễn Hồng Hà								
	Mộ cát táng	Xây đơn giản: V=0,7*1,0*1,0		m3	0,70					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
D	Phần mộ	Cụ Nguyễn Văn Hồng								
	Mộ cát táng	Xây đơn giản: V=0,8*1,2*0,8		m3	0,77					
		Mộ xây đơn giản: thể tích >0,6m3		Mộ	1	7.000.000			7.000.000	
		- Di dời dưới 5 km (Nghĩa trang nhân dân đảo)		Ngôi	1	1.500.000			1.500.000	
		Thay tiểu mới		Ngôi	1	3.000.000			3.000.000	
		Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng		Ngôi	1	2.000.000			2.000.000	
II	Vật kiến trúc								86.300.000	
A	Phần mộ	Cụ Nguyễn Thị Thùy								
		Xây để giữ lăng gạch chi V=(0,9+1,5)*2*0,11*0,1	VKT.20008	m3	0,05	1.987.514	1,0	100%	104.941	
	Lăng mộ	BT đúc sẵn, ốp lát hoàn chỉnh có niên hiệu câu đối : KT=0,8*1,2 cao 1,6m 3 cấp	GTT	Ngôi	1,00	4.850.000	1,0	100%	4.850.000	
		Bia khắc đá ko ảnh KT: 0,25*0,3	GTT	Cái	1,00	500.000	1,0	100%	500.000	
		01 bát hương sứ cỡ nhỏ	GTT	Cái	1,00	60.000	1,0	100%	60.000	
		01 lọ hoa sứ cỡ nhỏ	GTT	Cái	1,00	20.000	1,0	100%	20.000	
		01 bộ âm chén	GTT	bộ	1,00	50.000	1,0	100%	50.000	
B	Phần mộ	Cụ Nguyễn Văn Công Cụ Đình Thị Xuôi Cụ Nguyễn Văn Nhân								
	3 ngôi giống nhau	Xây để giữ lăng gạch chi V=(1,2+0,8)*2*0,11*0,1*3	VKT.20008	m3	0,13	1.987.514	1,0	100%	262.352	
	Lăng mộ	BT đúc sẵn, ốp lát hoàn chỉnh có niên hiệu câu đối : KT=0,8*1,2 cao 1,6m 3 cấp	GTT	Ngôi	3,00	4.850.000	1,0	100%	14.550.000	
		Bia khắc đá ko ảnh KT: 0,3*0,4 *3 cái	GTT	Cái	3,00	500.000	1,0	100%	1.500.000	
		Bát hương sứ cỡ nhỏ 03 cái	GTT	Cái	3,00	60.000	1,0	100%	180.000	
		Lọ hoa bằng sứ nhỏ 02 cái	GTT	Cái	6,00	20.000	1,0	100%	120.000	
		Đĩa để hoa quả D20 03 cái	GTT	Cái	3,00	30.000	1,0	100%	90.000	
	Sân mộ	S=10,0*(6,5+10,5)/2-1,2*0,8*6		m2	79,24					
		Bê tông gạch vỡ dày 0,1	VKT.20014	m3	7,92	1.027.902	1,0	100%	8.145.095	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Bê tông đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	7,92	1.629.758	1,0	100%	12.914.202	
		Mặt lát gạch HL 40x40	VKT.20056	m2	79,24	241.350	1,0	100%	19.124.574	
	Rào quanh mộ	Lưới B40 khung thép mạ kẽm D90 cao 3m S=10,5*3,0*3+6,5*3	VKT.20221	m2	114,00	100.780	1,0	100%	11.488.920	
C	Phần mộ	Cụ Nguyễn Hồng Hà								
	Lăng mộ	BT đúc sẵn, ốp lát hoàn chỉnh có niên hiệu câu đối : KT=0,8*1,2 cao 1,6m 3 cấp	GTT	Ngôi	1,00	4.850.000	1,0	100%	4.850.000	
		Bia khắc đá có ảnh KT 30x40 01 cái	GTT	Cái	1,00	1.200.000	1,0	100%	1.200.000	
		Bát hương 01 cái nhỏ	GTT	Cái	1,00	60.000	1,0	100%	60.000	
		Lọ hoa nhỏ 02 cái	GTT	Cái	2,00	20.000	1,0	100%	40.000	
		Đĩa để hoa quả 01 cái	GTT	Cái	1,00	30.000	1,0	100%	30.000	
D	Phần mộ	Cụ Nguyễn Văn Hồng								
	Lăng mộ	BT đúc sẵn, ốp lát hoàn chỉnh có niên hiệu câu đối : KT=0,8*1,2 cao 1,6m 3 cấp	GTT	Ngôi	1,00	4.850.000	1,0	100%	4.850.000	
		Bia khắc đá có ảnh KT 30x40	GTT	Cái	1,00	1.200.000	1,0	100%	1.200.000	
		Bát hương nhỏ 01 cái	GTT	Cái	1,00	60.000	1,0	100%	60.000	
		Lọ hoa nhỏ 02 cái	GTT	Cái	1,00	20.000	1,0	100%	20.000	
		Đĩa để hoa quả 01 cái	GTT	Cái	1,00	30.000	1,0	100%	30.000	
		Tổng cộng							167.300.000	